

Bản án số: 81/2017/DS-ST

Ngày: 01-9-2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Tâm.

Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:
Không tham gia phiên tòa

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Duy T, sinh năm 1980. (Có mặt)

Bà Mai Thị Bé N, sinh năm 1980. (Xin vắng mặt)

Cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970. (Có mặt)

Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Duy T trình bày:

Ngày 16/6/2013, vợ chồng ông và vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Kim H có thống nhất lại số tiền ông L, bà H còn nợ, hai bên thống nhất ông L, bà H còn nợ 300.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để kinh doanh lúa gạo, có làm biên nhận ngày 16/6/2013, hai bên thỏa thuận từ ngày 15/3/2014, mỗi tháng ông L, bà H sẽ trả 20.000.000 đồng tiền gốc để trừ dần. Nhưng đến nay ông L, bà H

chưa trả tiền cho vợ chồng ông. Nay yêu cầu ông L, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông số tiền 300.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện 16/5/2017 đến khi Tòa án xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông thống nhất vợ chồng ông còn nợ vợ chồng ông T, bà N số tiền 300.000.000 đồng, ông và bà H có ký tên vào biên nhận nợ. Nhưng nay hoàn cảnh khó khăn, ông hứa khi nào bán được tài sản ông sẽ trả tiền cho ông T, bà N.

Bà Lê Thị Kim H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Huỳnh Duy T, bà Mai Thị Bé N khởi kiện ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Kim H. Ông L, bà H cư trú tại Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Lê Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Giữa ông T, bà N với ông L, bà H có xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 16/6/2013, thỏa thuận thời gian trả từ ngày 15/3/2014, mỗi tháng trả 20.000.000 đồng đến khi dứt nợ, không thỏa thuận lãi suất, ông L, bà H có ký tên vào biên nhận nợ. Xét thấy, hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp. Do ông L, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận ban đầu nên ông L, bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ cho ông T, bà N.

[3]. Đối với yêu cầu tính lãi của ông T, bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay giữa ông T, bà N và ông L, bà H là hợp đồng vay không thời hạn, nên ngày quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà N bị xâm phạm là ngày ông T, bà N khởi kiện (ngày 16/5/2017).

Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29.11.2011 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản 9%/năm, (0,75%/tháng), (0,025%/ngày), số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 16/5/2017 đến ngày 01/9/2017 = 108 ngày.

$108 \text{ ngày} \times 300.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% = 8.100.000 \text{ đồng}.$

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông L, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T, bà N 300.000.000 đồng tiền vốn và 8.100.000 đồng tiền lãi là phù hợp Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]. Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông L, bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 298, 305, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Duy T, bà Mai Thị Bé N.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Duy T, bà Mai Thị Bé N 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng tiền vốn và 8.100.000 (tám triệu một trăm ngàn) đồng tiền lãi.

Tổng cộng: 308.100.000 (ba trăm lẻ tám triệu một trăm ngàn) đồng.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Kim H phải chịu 15.405.000 (mười lăm triệu bốn trăm lẻ năm ngàn) đồng.

Ông Huỳnh Duy T, bà Mai Thị Bé N được nhận lại 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013935 ngày 18/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Thẩm phán đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới